

Bản án số: **330/2024/HC-PT**

Ngày: 26- 8-2024

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông **Trương Minh Tuấn**.
- **Các Thẩm phán:** bà **Trần Thị Kim Liên** và bà **Võ Thị Ngọc Dung**.
- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Quách Hòa Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 146/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1526/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Văn B** và bà **Trần Thị Diễm C**; Trú tại: Khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ liên hệ: **Số H P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1964 (Luật sư); địa chỉ: **Đường số C, số nhà G T, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

+ Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1999; địa chỉ: **F N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C: Luật sư **Lê Hồng S**, Công ty **L1 – Chi nhánh T**; Địa chỉ: **F N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Đ; địa chỉ: **Số A đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn D** – Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Đ: Ông **Nguyễn Việt H1** – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thành phố Đ; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023, tại phiên đối thoại ngày 05/12/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C trình bày như sau:

Trước đây ông **Nguyễn Văn B** là công nhân xí nghiệp X (sau này là Công ty Cổ phần X1 và chuyển đổi thành Công ty CP S1). Thời điểm năm 1989, Ban giám đốc xí nghiệp có chủ trương hóa giá nhà tập thể xí nghiệp cho cán bộ, công nhân, viên chức làm việc lâu năm trong xí nghiệp. Gia đình ông B nhận hóa giá nhà đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20, diện tích 172 m² tại Khu phố F, phường A, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Quảng Trị.

Năm 2004, gia đình ông **Nguyễn Văn B** đã làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất, sau đó được UBND thị xã Đ cấp GCNQSD đất số AB 536641 ngày 21/01/2005 cho hộ ông **Nguyễn Văn B**.

Ngày 28/11/2012 (sau gần 08 năm được cấp GCNQSD đất), UBND thành phố Đ ban hành quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý GCNQSD đất số AB 536641 ngày 21/01/2005 của hộ ông **Nguyễn Văn B**. Tại Điều 2 của Quyết định 1537 đã ghi rõ: “Giao Phòng TNMT phối hợp với UBND phường A thực hiện việc thu hồi GCNQSD đất và hướng dẫn hộ gia đình ông **Nguyễn Văn B** và bà **Trần Thị Diễm C** lập lại thủ tục xin cấp GCNQSD đất theo đúng quy định của pháp luật”.

Sau khi nhận được Quyết định số 1537/QĐ-UBND, gia đình ông **Nguyễn Văn B** đã làm đầy đủ các hồ sơ, thủ tục để đề nghị UBND thành phố Đ xem xét cấp GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên cho gia đình theo Điều 2 của Quyết định 1537. Gia đình chờ đợi trong nhiều năm vẫn không được giải quyết, mãi đến năm 2023, tại Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ mời tra lời là không giải quyết cho gia đình. Gia đình vẫn quản lý, sử dụng thửa đất từ 2025 cho đến nay, vẫn nộp thuế đầy đủ nhưng chưa dám xây dựng nhà kiên cố để ở trong lúc hai vợ chồng chưa có nhà ở vì vướng Quyết định 1537 nói trên. UBND thành phố Đ sau khi ban hành Quyết định 1537 thì để thế cho đến nay, không thu hồi đền bù đất và tài sản trên đất, cũng không thực hiện các thủ tục cấp lại GCNQSD đất mới cho gia đình.

Vì vậy, người khởi kiện làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20, tại Khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C.

2. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 25/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ông B và bà C có hai thửa đất, thời điểm năm 2005 thửa số 74 được UBND thành phố Đ cấp 112 m², thửa này nằm trong đất của xí nghiệp X quản lý (sau này đổi thành công ty X1 – hiện nay đã ngưng hoạt động). Năm 2003 ông B xin cấp thửa đất số 74, ông là công nhân xí nghiệp xây dựng số 8 nên được phân thửa đất này, mã số thuế 106018.

Năm 2005, ông B xin cấp thửa khác, thửa số 76 nằm liền kề với thửa đất số 74 này. Thửa này bà C nộp thuế năm 2005, mã số thuế 106263 diện tích 172 m². Trong đơn khai nguồn gốc sử dụng đất là do xí nghiệp X bán lại cho ông, trên có sổ đỏ, UBND thành phố Đ cấp GCNQSD đất cho gia đình ông B, số GCNQSD đất AB 536641 cấp ngày 21/01/2005 (ông B nộp thuế đất hàng năm từ năm 2005 cho đến nay).

Sau đó, đến ngày 04/9/2009 thì tập thể các hộ gia đình liền kề ở gần đó gồm: Hộ bà Lê Thị B1, bà Nguyễn Thị P, bà Ngô Thị L, bà Lê Thị H2 đơn phản ánh việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 cho ông B và bà C là không đúng đối tượng được cấp đất và cho rằng, diện tích đất này nằm trong khuôn viên sân nhà trẻ của Xí nghiệp xây dựng số 08, sau đó Xí nghiệp chuyển qua làm xưởng mộc và giao cho ông B làm công nhân phụ trách quản lý xưởng mộc. Xưởng mộc này hoạt động đến năm 1995 thì dừng hoạt động và ông B tiếp tục quản lý xưởng mộc này cho đến nay.

Sau khi UBND thành phố thành lập đoàn xác minh thấy đơn tố cáo của các hộ dân là có cơ sở, ông B không được thanh lý thửa đất này, mà công ty X1 chỉ giao cho ông B thửa đất số 74; ông B có hành vi lừa dối, sử dụng mã số thuế của thửa đất số 74 bỏ vào hồ sơ của thửa đất số 76 để xin cấp đất là không đúng.

Trong quá trình đi xác minh, ông Nguyễn Văn K - N là Phó Giám đốc Công ty xây dựng và sản xuất gỗ MDF Công ty X1 cũ) trình bày: thời điểm xác nhận vào đơn ông K đã không căn cứ vào việc hồ sơ hóa giá của Công ty, mà chỉ xác nhận theo cảm tính, thực tế sử dụng đất (bút lục số 11 – lúc này ông K trình bày chỉ với tư cách cá nhân, không còn đại diện cho công ty X1).

Quá trình làm việc ông B không cung cấp được hồ sơ hóa giá của Công ty X1. Chỉ có nhân chứng xác nhận đó là đất của Công ty X1, riêng UBND thành phố Đ không quản lý hồ sơ này.

Ngày 28/11/2012, UBND thành phố Đ ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ GCNQSD đất của hộ ông B (chưa thu hồi đất, chưa giải quyết đền bù tài sản trên đất, đất vẫn do hộ ông B tiếp tục quản lý, sử dụng).

Nay hộ ông B đề nghị UBND thành phố Đ làm các thủ tục cấp lại GCNQSD đất cho hộ gia đình ông B theo Điều 2 của Quyết định số 1537/QĐ-UBND, người bị kiện có ý kiến và đề nghị như sau:

- Việc UBND thành phố Đ có Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 về việc trả lời kiến nghị của bà Trần Thị Diễm C, địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố Đ là đúng quy định;

- Việc bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Văn B yêu cầu UBND thành phố Đ tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 là không có cơ sở;

- Đề nghị Tòa án xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 29, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 359, Điều 362 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 135 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Điều 70 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C.

- Hủy Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải tiếp nhận hồ sơ và theo thẩm quyền, tiến hành thực hiện các thủ tục đo đạc, xác định vị trí, ranh giới, diện tích sử dụng đất thực tế để cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20, tại Khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị nhận đơn kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng trị có nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị tiếp tục xét xử vụ án và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị, không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Đ và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Trường hợp Tòa án bác yêu cầu khởi kiện thì đề nghị xem xét công sức sử dụng đất và các tài sản trên đất của gia đình ông B.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất với trình bày của người bảo vệ.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị là có căn cứ đúng pháp luật, Theo Văn bản số 277/UBND-ĐC ngày 23/8/2024 của UBND phường A thành phố Đ thì diện tích đất ông B, bà D1 đang khởi kiện được quy hoạch đất giao thông công cộng. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính chấp nhận Kháng nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và kháng cáo của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị sửa toàn bộ quyết định của Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đ, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, thấy:

[1.1] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án Hủy Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 tại Khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C. Tại Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân bà Trần Thị Diễm C, ông Nguyễn Văn B liên quan đến việc kiến nghị cấp lại GCNQSD đất cho ông B, bà C; UBND thành phố Đ cho rằng: “Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 là sân của nhà trẻ Xí nghiệp X2 (sau này là Công ty Cổ phần X1), không phải là đất của gia đình, cá nhân nào khác. Hiện nay, Công ty Cổ phần X1 không sử dụng, do đó, UBND thành phố sẽ có phương án sử dụng đất hợp lý theo đúng quy hoạch, kế hoạch. Việc ông B, bà C đề nghị cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 là không có cơ sở giải quyết. Mặt khác, hiện nay theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Đ được UBND thành phố phê duyệt, thì thửa đất nói trên thuộc quy hoạch đất giao thông và đất công cộng”.

[1.2] Theo các tài liệu, chứng cứ được UBND thành phố Đ xác minh, kiểm tra theo nội dung tố cáo của công dân về việc cấp GCNQSDD cho hộ ông B và bà C thì Ông, Bà không cung cấp được giấy tờ hóa giá nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20 diện tích 172 m² tại khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nói trên. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 556730 ngày 15/5/2003 của UBND thị xã Đ cho hộ Ông B và bà C đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20 diện tích 112 m² có nguồn gốc ông B được Công ty X1 nhượng lại.

[1.3] Theo Văn bản số 277/UBND-ĐC ngày 23/8/2024 của UBND phường A thành phố Đ gửi TANDCC tại Đà Nẵng xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 76 tờ bản đồ số 20, diện tích 172 m² tại khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị: “Theo hồ sơ địa chính năm 1993 của phường 1 thửa đất số 76 tờ bản đồ số 20, diện tích 172 m², kê khai Công ty X1. Thửa đất có nguồn gốc là sân của nhà trẻ Xí nghiệp X2 (Công ty cổ phần X1), xí nghiệp không thanh lý, hóa giá hay phân cho gia đình ông B sử dụng và gia đình ông B không cung cấp thêm được các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng tại thửa đất nêu trên. Hiện nay, thửa đất trên thuộc quy hoạch đất giao thông và đất công cộng theo quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Đ”.

[1.4] Theo quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Đ thì thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20, địa chỉ khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị được quy hoạch đất giao thông và đất công cộng, nên không đủ điều kiện để cấp GCNQSDD theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; Mặt khác quá trình sử dụng đất đến năm 2009 thì phát sinh tranh chấp với các hộ Lê Thị B1, Lê Thị H3, Nguyễn Thị P, Ngô Thị L...; do đó UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 2/8/2023 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hủy Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân và Buộc UBND thành phố Đ theo thẩm quyền, tiến hành thực hiện các thủ tục để đo đạc, xác định vị trí, ranh giới, diện tích sử dụng thực tế để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà C là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Đ, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhận định của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của người khởi kiện về tính công sức và các tài sản có trên diện tích đất (thửa 76, tờ bản đồ 20, diện tích 172m²) của gia đình ông B Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Người khởi kiện phải chịu chi phí tố tụng và được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm vì là người cao tuổi và có đơn xin

miễn nộp, UBND thành phố Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C về: Hủy Công văn số 1663/UBND-PTNMT ngày 02/8/2023 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải tiếp nhận hồ sơ và theo thẩm quyền, tiến hành thực hiện các thủ tục đo đạc, xác định vị trí, ranh giới, diện tích sử dụng đất thực tế để cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 20, tại Khu phố F, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Diễm C.

2. Về chi phí đo đạc và án phí: Người khởi kiện phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ số tiền: 5.080.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) đã nộp xong và được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, hoàn trả cho UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000074 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Tuấn

